TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LIÊN CHIỂU-TP ĐÀ NẴNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 28/2017/DS-ST
Ngày 14 tháng 9 năm 2017
V/v: "tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Ξ
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà **Phạm Thanh Thủy**
- *Các Hội thẩm nhân dân*: - Ông **Nguyễn Đình Hoa**
- Ông **Ngô Văn Sỹ**
- *Thư ký phiên toà*: Bà **Nguyễn Thị Kim Trinh** - Cán bộ Toà án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Hội trường xét xử, Toà án nhân dân quận L thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về *"tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2017/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Ngô Thị M** - sinh năm 1958 (có mặt)
Trú tại: K269/17 đường Ô, phường C, quận H, TP Đà Nẵng.
- *Bị đơn:* Bà **Phan Thị Gia H** - sinh năm 1975 (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)
Nơi ĐKNKTT: K49/01 đường N, tổ 05, phường T, quận H, TP Đà Nẵng
Trú tại: Số 33 Đường T, phường H, quận L, TP Đà Nẵng
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông **Lê Cao S** - sinh năm 1961 (vắng mặt)
Trú tại: Số 33 Đường T, phường H, quận L, TP Đà Nẵng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện gởi đến Tòa án, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Ngô Thị M trình bày:**

Do có quan hệ quen biết nên tôi có cho bà Phan Thị Gia H vay nhiều lần với tổng số tiền 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*). Thời gian vay cụ thể như sau:

- Lần 01: Vào ngày 30.9.2016 tôi cho vay 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*), khi vay thì bà H có viết giấy mượn tiền ghi tên bà Phan Thị H và ông Lê Cao S, giấy mượn tiền này chỉ một mình bà H ký và tôi đã giao trực tiếp tiền cho bà H chứ

không hề biết ông S. Bà H có thỏa thuận miệng là trong vòng 01 tháng sẽ thanh toán cho tôi. Sau đó bà H có trả cho tôi được 157.000.000 đồng (*một trăm năm mươi bảy triệu*) nên còn nợ 143.000.000 đồng (*một trăm bốn mươi ba triệu đồng*).

- Lần 02: Vào ngày 10.11.2016 tôi cho vay 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*), khi vay thì bà H có viết giấy mượn tiền. Bà H có thỏa thuận miệng là trong vòng 01 tháng sẽ thanh toán cho tôi. Tuy nhiên, bà Phan Thị Gia H chưa trả bất cứ khoản tiền nào đối với khoản vay này.

Các khoản vay trên không thể hiện lãi suất nhưng hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 01%/01tháng nhưng bà Phan Thị Gia H cũng chưa trả bất cứ khoản tiền lãi nào. Như đã trình bày tại bản tự khai và phiên hòa giải ngày 26.6.2017, việc vay tiền là chỉ diễn ra giữa tôi và bà Phan Thị Gia H, tôi giao tiền, bà H nhận và viết giấy vay chứ ông S không biết cũng như liên quan đến việc vay tiền. Hiện nay bà Phan Thị Gia H còn nợ tôi số tiền là 543.000.000 đồng *(năm trăm bốn mươi ba triệu đồng*). Đối với lời trình bày của bà Phan Thị Gia H là khoản tiền 300.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền viết ngày 30.9.2016 đã trả xong; khoản tiền tiền 400.000.000 đồng theo giấy mượn tiền viết ngày 10.11.2016 chỉ còn nợ 360.000.000 đồng là không đúng sự thật. Về vấn đề này đề nghị bà H đưa ra chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình.

Nay bà Phan Thị Gia H thay đổi thỏa thuận thì tôi yêu cầu Tòa án buộc bà Phan Thị Gia H trả 01 lần tổng số tiền 543.000.000 đồng (*năm trăm bốn mươi ba triệu đồng*), không yêu cầu tính lãi.

* Bị đơn bà Phan Thị Gia H vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bà Phan Thị Gia H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên bà Phan Thị Gia H nhiều lần vay nợ và chơi biêu với bà Ngô Thị M, mỗi khi đáo hạn xong một khoản nợ thì bà H lại tiếp tục vay bà Ngô Thị M nên cũng không nhớ chính xác số lần vay và số tiền nợ với bà Ngô Thị M.

Tuy nhiên, bà H thừa nhận có viết giấy mượn tiền đối với bà Ngô Thị M như bà Ngô Thị M cung cấp cho Tòa án:

- Giấy mượn tiền viết ngày 30.9.2016, mượn 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*).

- Giấy mượn tiền viết ngày 10.11.2016, mượn 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*).

Đối với Giấy mượn tiền viết ngày 30.9.2016, mượn 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*) bà H đã trả xong nợ nhưng sơ sót không lấy lại bản chính giấy mượn tiền. Đối với giấy mượn tiền viết ngày 10.11.2016 thì thực tế bà H chỉ còn nợ số tiền là 360.000.000 đồng nhưng bà Ngô Thị M lại yêu cầu viết số tiền là 400.000.000 đồng. Mặc dù giấy vay tiền không ghi lãi suất nhưng bà Mận lấy lãi suất bà H rất cao. Tuy nhiên, bà H không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình. Do bà Ngô Thị M không thừa nhận sự việc nêu trên nên bà H chấp nhận trả nợ theo số tiền bà Ngô Thị M yêu cầu là 543.000.000 đồng. Việc vay tiền này hoàn toàn không liên quan gì đến ông Lê Cao S. Bà H là người trực tiếp nhận tiền, viết giấy mượn tiền và sử dụng tiền cho mục đích cá nhân. Bà Ngô Thị M cũng biết rõ vấn đề này. Bà H ghi tên ông Lê Cao S là chỉ để tạo niềm tin cho bà M.

Tại phiên hòa giải ngày 26.6.2017 bà Phan Thị Gia H thống nhất còn nợ bà Ngô Thị M số tiền còn nợ là 543.000.000 đồng và hai bên đã thỏa thuận được thời gian

thanh toán nợ là từ ngày 26.6.2017 đến hết ngay 26.6.2019 sẽ thanh toán dứt điểm số nợ nêu trên.

Trong thời hạn 07 ngày bà Phan Thị Gia H thay đổi thỏa thuận, đề nghị trả số tiền còn nợ theo phương thức trả 30.000.000 đồng/01 năm, 06 tháng trả một lần.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Cao S vắng mặt tại phiên tòa nhưng theo bản tự khai gửi đến Tòa án ngày 12.6.2017 thì ông Lê Cao S trình bày:**

Ông Lê Cao S không biết và không liên quan đến việc bà Phan Thị Gia H nợ tiền bà Ngô Thị M. Sau này bà Phan Thị Gia H nợ nần thì ông Lê Cao S có đứng ra trả thay một phần nợ cho bà Phan Thị Gia H nhưng nay khoản nợ quá lớn nên ông không đứng ra trả nợ thay cho bà Phan Thị Gia H nữa. Khi khởi kiện bà Ngô Thị M có cung cấp chứng cứ là một giấy mượn tiền thể hiện người mượn là bà Phan Thị Gia H và ông Lê Cao S, ký tên chỉ một mình bà Phan Thị Gia H, trong các văn bản gửi đến Tòa án ông Lê Cao S đều thể hiện việc vay mượn tiền này chỉ một mình bà Gia H và bà Gia H tự ghi tên ông S vào giấy mượn tiền chứ ông S hoàn toàn không biết và không sử dụng số tiền này.

Hiện nay ông Lê Cao S và bà Phan Thị Gia H đã ly hôn theo quyết định của Tòa án. Ông Lê Cao S không có trách nhiệm trả khoản nợ của bà Phan Thị Gia H với bà Ngô Thị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Cao S không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 03.8.2017 mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa hôm nay, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP Đà Nẵng thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; bị đơn là bà Phan Thị Gia H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Cao S không chấp hành nghiêm pháp luật, vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn bà Phan Thị Gia H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Phan Thị Gia H và ông Lê Cao S.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận L, TP Đà Nẵng đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 471,474 BLDS năm 2005 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

**** Về thủ tục tố tụng:*** Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Ngô Thị M và bà Phan Thị Gia H thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân quận L theo quy định tại khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, nguyễn đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới.

Tại phiên toà lần thứ nhất ngày 28.8.2017 và cũng như phiên toà hôm nay Toà án đã triệu tập, niêm yết công khai Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà đối với bị đơn là bà Phan Thị Gia H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Cao S nhưng bà H, ông S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án xét xử vắng mặt bà Phan Thị Gia H và ông Lê Cao S.

* *Về nội dung vụ án:* Xét yêu khởi kiện của bà Ngô Thị M đối với bà Phan Thị Gia H thì thấy:

HĐXX xét thấy, về khoản tiền vay, nguyên đơn là bà Ngô Thị M xuất trình cho Tòa án 02 chứng cứ là: 01 Giấy mượn tiền viết ngày 30.9.2016 có nội dung bà H và ông S có mượn của bà M 300.000.000 đồng (*ba trăm triệu đồng*); 01 giấy mượn tiền viết ngày 10.11.2016 có nội dung bà H có mượn bà M 400.000.000 đồng (*bốn trăm triệu đồng*). Bị đơn là bà Phan Thị Gia H thừa nhận chứng cứ do nguyên đơn là bà Ngô Thị M xuất trình, thống nhất 02 giấy mượn tiền nêu trên đều là do chính bà viết. Tuy nhiên, bà H cho rằng đối với giấy mượn tiền viết ngày 10.11.2016 thì thực tế bà H chỉ còn nợ số tiền là 360.000.000 đồng nhưng bà Ngô Thị M lại yêu cầu viết số tiền là 400.000.000 đồng nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh, nguyên đơn là bà Ngô Thị M không thừa nhận nên HĐXX không chấp nhận. Như vậy, việc bà Phan Thị Gia H có vay bà Ngô Thị M 02 lần với tổng số tiền là 700.000.000 đồng (*bảy trăm triệu đồng*) là có thật.

Về nghĩa vụ trả nợ: Bị đơn là bà Phan Thị Gia H cho rằng đối với giấy mượn tiền viết ngày 30.9.2016 thì bà H đã trả xong số nợ 300.000.000 đồng nhưng do sơ sót không lấy lại bản chính giấy mượn tiền. Tuy nhiên, bà Ngô Thị M chỉ thừa nhận việc bà Phan Thị Gia H đã trả 157.000.000 đồng tiền gốc theo giấy mượn tiền ngày 30.9.2016; bà Phan Thị Gia H không xuất trình được chứng cứ chứng minh việc trả nợ cho bà M nên HĐXX không có cơ sở để xem xét. Như vậy, tổng số tiền gốc bà Phan Thị Gia H còn nợ bà Ngô Thị M theo 02 giấy mượn tiền là 700.000.000 đồng - 157.000.000 đồng = 543.000.000 đồng.

HĐXX xét thấy, các bên đương sự đều đã trưởng thành và đủ năng lực hành vi dân sự, xuất phát từ sự thỏa thuận giữa hai bên nên giao dịch dân sự giữa các bên đương sự là phù hợp theo quy định tại Điều 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005. Do bà Phan Thị Gia H không thanh toán số tiền theo yêu cầu của bà Ngô Thị M nên vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Do đó, bà Ngô Thị M khởi kiện là chính đáng, hợp lý nên HĐXX xem xét các chứng cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H phải thanh toán cho bà M số tiền nợ gốc là 543.000.000 đồng. Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà Ngô Thị M không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Việc bà H cho rằng đã trả lãi cho bà M với lãi suất cao nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để HĐXX xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Cao S, HĐXX xét thấy, cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận việc ông Lê Cao S không biết và không liên quan đến việc mượn tiền giữa bà M và bà H như lời trình bày của ông S. Do đó, việc nguyên đơn là bà Ngô Thị M không yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Cao S có trách nhiệm trả nợ là có cơ sở nên HĐXX chấp nhận.

* Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Phan Thị Gia H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 20.000.000 đồng + (4% x 143.000.000 đồng) = 20.000.000 + 5.720.000 đồng = 25.720.000 đồng (hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: 471, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQHH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên bố: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Ngô Thị M.

1. Tuyên xử: Buộc bà Phan Thị Gia H có nghĩa vụ thanh toán cho bà Ngô Thị M số tiền còn nợ là 543.000.000 đồng (*năm trăm bốn mươi ba triệu đồng*).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị Gia H phải nộp 25.720.000 đồng (*hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*).

Trả lại cho bà Ngô Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.860.000 đồng (*mười hai triệu tám trăm sáu mươi ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0007053 ngày 05.6.2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận L, thành phố Đà Nẵng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chị khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay.

Riêng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục THA quận Liên Chiểu;
- Hồ sơ vụ án.

Phạm Thanh Thủy